

Tập 46

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi bảy:

(Sớ) Cổ vân: “Phật diệt độ hậu, phàm chư đệ tử, sở hữu trước thuật, giai quy Tam Bảo”. Lương điều thánh cảnh cao huyền, Phật ngôn vi diệu, nhi dục dĩ phàm phu hào mạt chi trí, vãng tự bình lượng, thị nữi dụng lõi trức hải, trì quản khuy thiên, mạn tự bì lao, sở đắc kỷ hà. Cố tất quy mạng Tam Bảo, minh hy gia bị!

(疏)古云：佛滅度後，凡諸弟子，所有著述，皆歸三寶。良繇聖境高玄，佛言微妙，而欲以凡夫毫末之智，罔自評量，是乃用蠡測海，持管窺天，漫自疲勞，所得幾何。故必歸命三寶，冥希加被。

(Sớ: Cổ nhân nói: “Sau khi đức Phật diệt độ, phàm tất cả các trước thuật của hàng đệ tử đều quy về Tam Bảo”. Ấy là vì thánh cảnh cao vời, huyền diệu, lời Phật vi diệu, muốn dùng cái trí vụn vặt của phàm phu để tự làm lạc phê phán, đánh giá, đây là dùng bầu đong biển, cầm ống ngắm trời, đã chậm chạp lại còn tự nhọc nhằn, hiểu biết được mấy! Vì thế, ắt phải quy mạng Tam Bảo mong được ngắm ngẫm gia bị).

Chuyện này cũng là sự thật. Chư Phật Như Lai cho đến các vị đại Bồ Tát khác hẳn lũ phàm phu chúng ta. Bọn phàm phu chúng ta chẳng dễ gì quan sát, nhận biết. Phàm phu thấy Phật, Bồ Tát cũng là phàm phu, khác nhau ở chỗ nào? Dụng tâm không giống nhau. Phàm phu dùng cái tâm phân biệt, tức là cái tâm ý thức; Phật và các đại Bồ Tát dùng chân tâm, đó là bản tánh, đây là chỗ khác nhau! Trong Tánh chẳng có phân biệt, không có chấp trước, vĩnh viễn thanh tịnh. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, chẳng thanh tịnh, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng biết có bao nhiêu vọng niệm. Vọng niệm nhiều nên chẳng thanh tịnh, trí huệ sẵn có chẳng thể hiện tiền. Tuy sẵn có trí huệ, “*Bổn Giác vốn có*”, nhưng chẳng thể hiện tiền, đó là phàm phu.

Ngôn ngữ, văn tự của chư Phật đều từ tâm thanh tịnh, từ trong bản tánh lưu lộ, phàm phu muốn lý giải sẽ khá khó khăn, đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải*” (Phật

pháp không có người nói thì tuy là kẻ có trí cũng chẳng thể hiểu). Người trí huệ thông minh bậc nhất trong thế gian cũng không có cách nào lý giải, nguyên nhân là vì dụng tâm khác nhau. Làm như thế nào đây? Cần phải có người từng trải giảng giải cho chúng ta, đây là một phương pháp. Một phương pháp khác là đọc tụng, khi đọc chẳng thể dùng tâm ý thức. Nói cách khác, đọc kinh, thậm chí đọc chú giải của cổ đại đức cũng như vậy, đừng phân biệt, đừng chấp trước, đừng suy tưởng trong đây có ý nghĩa gì. Quý vị phải hiểu đọc kinh là tu hành, tu Giới - Định - Huệ.

Cớ sao đọc kinh là tu Giới - Định - Huệ? Chúng ta phải biết Giới có nghĩa là gì? Tuy Giới Luật nhiều ngàn ấy, nhưng tinh thần của Giới Luật chỉ có tám chữ: *“Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”* (Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành). Quý vị đọc kinh, trong tâm chẳng khởi ác niệm, tự nhiên *“chư ác mạc tác”*. Lẽ đâu một mặt niệm kinh, một mặt nghĩ tưởng chuyện ác, không có lẽ ấy! Vì thế, khi quý vị đọc kinh, tự nhiên là *“chư ác mạc tác”*. Kinh điển là tối thiện, tức là điều thiện nhất trong những điều thiện, là giáo huấn của Phật, Bồ Tát; kinh do Phật nói, chú giải do Bồ Tát giảng, tổ sư là Bồ Tát, tuyệt đối chẳng phải là phàm nhân. Quý vị đọc lời giáo huấn của Phật, Bồ Tát đó là điều tốt lành nhất, há còn có gì tốt lành hơn?

Quý vị phải biết: Niệm kinh là trì giới, là trì giới viên mãn, chẳng khuyết chút nào! Nếu quý vị đang niệm kinh mà nghĩ lời này có nghĩa là gì, câu này vì sao phải nói như vậy, sẽ chẳng có Giới. Vì sao? Do quý vị khởi vọng tưởng, vọng tưởng là ác, chẳng lành. Do đó, khi đọc kinh, chớ nên dấy vọng tưởng, đừng mong hiểu ý nghĩa. Còn như trong kinh này có những chữ lạ thì làm thế nào? Những chữ lạ thì tốt nhất là nên tra từ điển trước, ghi chú âm đọc bên cạnh, đây là biện pháp tốt nhất. Nếu không thì đừng đọc, chẳng đọc cũng không có lỗi gì, đọc sai sẽ phạm lỗi. Trừ việc tu Giới ra, [đọc kinh] còn là tu Định vì quý vị niệm kinh phải chuyên tâm, chuyên tâm là Định. Vì thế, [đọc kinh không khởi vọng tưởng] là tu Định. Đồng thời còn là tu Huệ, tu Huệ bằng cách nào? Huệ ấy là tu Căn Bản Trí, kinh Bát Nhã nói Căn Bản Trí là *“Bát Nhã vô tri”*, tức là tu cái trí vô tri, đó là *“chân tri”*. Vì thế, niệm kinh từ *“như thị ngã văn”* cho đến *“tín thọ phụng hành”* rõ ràng, rành mạch. Đã rõ ràng, rành mạch, nhưng lại chẳng có phân biệt, chấp trước, cũng chẳng khởi vọng tưởng; niệm kinh như thế là tu hành, là tu Giới - Định - Huệ, lại còn tu hành Giới - Định - Huệ cùng một lúc, viên mãn một lượt, hết sức cao minh! Niệm như vậy là biết niệm, cách niệm này được Tam Bảo gia trì, cho nên nói *“đọc kinh thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến”* (đọc kinh ngàn lượt,

tự thấy ý nghĩa), được thần lực của Tam Bảo gia trì, niệm nhiều sẽ khai ngộ.

Có những người niệm nhiều nhưng chẳng khai ngộ, là vì người ấy niệm giống như chúng ta đọc sách: Vừa niệm vừa khởi vọng tưởng, như vậy là không được! Chẳng thể nào khai ngộ, vì tuy quý vị niệm kinh, nhưng trong ấy không có Giới, Định, Huệ. Có Giới - Định - Huệ, lẽ nào quý vị chẳng khai ngộ? Không có Giới - Định - Huệ sẽ chẳng khai ngộ, vì chẳng khác gì các phàm nhân trong thế gian đọc sách. Do đây có thể biết: Người tu hành niệm kinh khác với phàm phu niệm kinh. Phàm phu niệm kinh đích xác là đọc sách, dùng phân biệt, chấp trước, vọng tưởng để tư duy, dùng những thứ đó; người tu hành không giống như vậy, họ niệm kinh là tu hành, là tu Giới - Định - Huệ, hoàn toàn khác nhau!

Do vậy, từ Bồ Tát trở xuống, bất luận trước thuật hay soạn chú giải cho kinh luận, hoặc là làm sáng tỏ những nghĩa trọng yếu trong kinh, soạn luận, cho đến lên đài giảng kinh, vì người khác diễn nói, đều phải cậy thần lực của Tam Bảo gia trì. Nếu không có thần lực của Tam Bảo gia trì, quý vị sẽ chẳng lãnh hội, mà cũng chẳng nói ra được những nghĩa thú vi diệu trong kinh. Có rất nhiều người giảng kinh hay giảng chú giải của người khác, nhưng toàn là giảng những điều ngoài mặt của lời chú giải, đó gọi là “văn tự ngoài da”, chẳng thấu hiểu nghĩa lý, nguyên nhân là vì đâu? Rất đơn giản! Không được thần lực của Tam Bảo gia trì. Chúng ta có thể cầu thần lực của Tam Bảo được hay không? Chẳng được! Nhất định phải cảm ứng rồi mới có thể cầu được!

Cảm ứng gì vậy? Chính là cái tâm của chúng ta hiện thời có giống như tâm Phật hay không? Nói chung, tâm của quý vị có mấy phần giống Phật thì mới có thể khởi tác dụng cảm ứng, chẳng hoàn toàn giống mà là có phần nào giống; chẳng thật sự giống, mà rất gần gũi, tương tự. Hễ tương tự bèn có cảm ứng. Nếu tâm hoàn toàn chẳng giống với tâm Phật, dùng Phật pháp để tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu ngũ dục, lục trần, sẽ hoàn toàn chẳng tương ứng. Hoàn toàn chẳng tương ứng thì người ấy tuy nói cũng giỏi, viết cũng hay, nhưng quý vị chú tâm quán sát [sẽ thấy] tuyệt đối chẳng phải là như thế, [người ấy] đã biến toàn bộ kinh điển, kinh luận thành pháp thế gian. Đây chẳng phải là Phật pháp, mà là pháp thế gian; nói đâu hay đến đâu đi nữa, quý vị nghe xong chẳng còn đọng lại ý vị gì. Người thật sự tu hành, quý vị nghe người ta nói một lần, cả đời chẳng quên, cổ nhân đã nói: “*Dur âm nhiều lương*” (tiếng nói dường như còn vang vọng, quấn quanh mãi), nó còn đọng lại ý vị. Người càng

gần như kiến tánh thì nội dung và ý vị những lời họ nói ra lắng đọng càng lâu dài.

Vì thế, nhất định phải cầu Tam Bảo gia trì. Mấy câu tiếp theo nhằm nói rõ đạo lý này. “*Luong diêu thánh cảnh cao huyền*” (ây là vì thánh cảnh cao vời, huyền diệu). “*Thánh*” là thánh nhân. Cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát cao vời, chúng ta chẳng thể tưởng tượng được, chẳng thể nghĩ bàn! “*Phật ngôn vi diệu*”: Ý nghĩa nơi ngôn ngữ của Phật hết sức sâu. Do vậy, so sánh Phật pháp và thế gian pháp thì có một chỗ rõ ràng đặc thù nhất mà quý vị phải biết: Chúng ta học hành trong nhà trường, học Tiểu Học, Trung Học, nay đang học Đại Học, mỗi năm học sách giáo khoa khác nhau, năm nào cũng phải thay sách mới. Sách giáo khoa trong Phật pháp rất đặc biệt, bắt đầu từ lớp Một Tiểu Học cho đến lớp Tiến Sĩ vẫn là một cuốn sách, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Ví như một bộ kinh A Di Đà này, khi quý vị bắt đầu học, bèn học kinh này, cho đến địa vị Đẳng Giác, quý vị vẫn học kinh này. Đây là chỗ vi diệu trong lời Phật. Càng đọc, càng thú vị! Quý vị mới học bèn có cảnh giới mới học, thấu hiểu một chút pháp vị, tương lai khi đạt đến Pháp Thân đại sĩ minh tâm kiến tánh, cảnh giới quý vị lại thấy một cảnh giới khác! Vẫn là ngàn ấy chữ, nhưng quý vị thấy ý nghĩa khác hẳn. Người nông cạn thấy nông cạn, người sâu xa thấy sâu xa. Ý nghĩa trong kinh cạn hay sâu tùy thuộc cảnh giới của quý vị mà bất đồng; vì thế, càng đọc càng thú vị, chẳng giống như sách giáo khoa trong trường học, học xong rồi chẳng có ý vị gì hết, mà cũng chẳng muốn đọc nữa. Kinh Phật càng đọc càng thú vị, vì sao? Ý vị vô cùng!

Kinh Phật giảng bằng cách nào? Kinh này có nghĩa gì? Tôi thật thà thưa cùng quý vị, kinh không có ý nghĩa gì hết! Kinh cũng chẳng có cách nào giảng. Nếu có ý nghĩa, có cách giảng [nhất định], sẽ chẳng vi diệu! Nói cách khác, chương trình lớp Một sẽ chẳng thích hợp để dùng cho lớp Hai được, vì sao? Vì nó có ý nghĩa, nó có cách giảng, nên chẳng thích hợp để sử dụng [chương trình của lớp này cho lớp kia]. Chính vì nó không có ý nghĩa, nên quý vị phải thấu hiểu: Nó có vô lượng nghĩa. Do nó không có cách giảng, nên mới có vô lượng cách giảng. Đúng như câu nói: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”. Kinh vốn vô tri, không có cách giảng, không có ý nghĩa, nếu quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này, quý vị niệm kinh mới hoàn thành Tam Học Giới - Định - Huệ cùng một lúc. Nếu quý vị có cách giảng, có ý nghĩa thì Tam Học Giới - Định - Huệ đều không có, [kinh Phật] biến thành pháp thế gian. Quý vị niệm những thứ này bèn cảm thấy mệt mỏi, chán ngán. Dem một cuốn sách thế gian bảo

quý vị thật thà đọc, đọc mấy lượt, quý vị chán ngấy, nội dung trong sách ấy đã hoàn toàn biết rồi, đọc nữa có ý nghĩa gì nữa đâu? Những ý nghĩa trong kinh Phật là vô cùng tận, càng đọc càng hoan hỷ, càng đọc càng muốn đọc. Do vậy, lời Phật vi diệu!

Nếu giảng giải kinh A Di Đà tường tận thì một bộ kinh này, thừa cùng quý vị, giảng đến một trăm năm vẫn chẳng xong. Giảng suốt ba đại A-tăng-kỳ kiếp, hay giảng trong vô lượng kiếp vẫn chẳng giảng xong, ý nghĩa ấy màu nhiệm ở chỗ này. Xác thực là như thế, đối với ngàn ấy chữ, trong mỗi một chữ có vô lượng nghĩa, quý vị làm sao có thể nói là nó có một cách giảng nhất định cho được? Dầu cho các vị tổ sư đại đức từ xưa suốt đời tu hành, công phu tương ứng, mà giảng giải hoặc chú giải thì cũng chỉ là cảnh giới do các Ngài thấy được. Mỗi người giảng, mỗi cá nhân chú giải là do cảnh giới tu hành của mỗi người khác nhau nên thấy khác nhau. Giảng giải sâu hay cạn, thiên lệch hay viên mãn thì cũng mỗi người mỗi khác. Chúng ta phải liễu giải bản chất của kinh Phật là chẳng thể nghĩ bàn. Dùng trí huệ của phàm phu để “*võng tự bình lượng*” (tự làm lạc phê phán, đánh giá), hiện thời rất nhiều người giống như vậy. Tội lỗi ấy rất lớn!

(Diễn) Trước thuật giai quy Tam Bảo giả, thị học hữu sở tông, bất cảm tự dụng tự chuyên dã.

(演)著述皆皈三寶者，示學有所宗，不敢自用自專也

(Diễn: “Trước thuật đều quy vào Tam Bảo” là nêu rõ học vấn có cội nguồn, chẳng dám tự cậy, tự chuyên).

Đây là thái độ của người làm học sinh. Liên Trì đại sư nêu gương cho chúng ta thấy.

(Diễn) Dụng lãi trắc hải giả, Đông Phương Sóc đáp khách nạn vân: “Dĩ quản khuy thiên, dĩ lãi trắc hải, dĩ đỉnh tràng chung, khởi năng thông kỳ điều quán, khảo kỳ thiển thâm, phát kỳ âm thanh tai?”

(演)用蠡測海者，東方朔答客難云：以管窺天，以蠡測海，以槌撞鐘，豈能通其條貫，考其淺深，發其音聲哉

(**Diễn:** “Dùng bầu đong biển”: Đông Phương Sóc đáp lời khách cật vấn như sau: “Dùng ống ngắm trời, dùng bầu đong biển, dùng que gõng chuông, há có thể thông hiểu [bầu trời] tường tận, biết được biển sâu hay cạn, làm chuông phát ra âm thanh hay chẳng?”)

Những điều này đều nhằm nói kiến thức nông cạn, mỏng tanh, những điều được tiếp xúc hết sức hạn chế, cục bộ. Quý vị dùng cái ống để nhìn trời, thấy được bao lớn? Dùng điều này để làm tỷ dụ nhằm nói rõ tri kiến của phàm phu chúng ta hết sức hữu hạn, không có cách nào liễu giải cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát, tự uổng công nhọc nhằn, sở đắc hết sức hữu hạn. Nếu có thể đạt được một chút thì cũng coi như là khá lắm rồi, e rằng còn hiểu sai bét ý Phật, hiểu cong queo nghĩa kinh. Hiểu rõ đạo lý này, quý vị đọc chú giải, [sẽ hiểu] vì sao chúng tôi khuyên đồng tu hãy xem chú giải của cổ nhân? Cổ nhân hữu tu hữu chứng; nếu họ không có công phu tu chứng thật sự, trước tác của họ sẽ chẳng thể lưu truyền hậu thế. Chẳng giống như con người hiện thời, tốn một chút tiền bèn có thể in rất nhiều thứ lưu truyền khắp nơi. Cổ nhân chẳng cầu danh, chẳng cầu lợi, những tác phẩm ấy chẳng do các Ngài tự lưu thông mà đều do hậu nhân đọc, thấy những tác phẩm ấy quá hay bèn lưu thông. Người đời sau cũng chẳng quen biết các Ngài, cũng chẳng có quan hệ, trong ấy chắc chắn không có chuyện cảm tình, mà đều là đọc xong, bội phục quá, bèn bỏ tiền khắc ván lưu thông. Huống chi những trước tác của cổ nhân đã trải qua thời gian mấy trăm năm, trong khoảng thời gian ấy có bao nhiêu người đã đọc; nếu chẳng phải là những tác phẩm hay, sẽ chẳng được lưu truyền!

Đúng là những tác phẩm hay sẽ được lắm người lưu truyền! Chúng ta phải hiểu rõ chân tướng sự thật này; vì lẽ đó, tôi khuyên mọi người đọc những tác phẩm của cổ nhân. Những tác phẩm của người bây giờ thỉnh thoảng dùng để tham khảo thì được, vẫn phải xem là do ai viết. Điều này đối với bản thân chúng ta, đặc biệt là kẻ sơ học, có ảnh hưởng hết sức sâu xa, quan hệ rất lớn, chẳng thể không lưu ý. Chọn mấy thứ nhất định để chúng ta thọ trì trong cả một đời là đủ rồi. Chớ nên tham nhiều, hy vọng có thể thâm nhập. Khi nào quý vị đã khai ngộ, hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian quý vị chẳng học cũng thông đạt. Quý vị đọc Đàn Kinh, thấy Lục Tổ đại sư chẳng học mà thông đạt. Do vậy, điều khẩn yếu là thâm nhập.

Hiện nay, một đạo tràng giống như đạo tràng của chúng ta chẳng dễ có đâu nhé! Đạo tràng này của chúng ta là một môn thâm nhập;

những đạo tràng khác, đều là đạo tràng hoằng pháp, nhưng người giảng nhiều quá, khóa trình nhiều, chẳng chuyên, rất khó thụ dụng! Vì thế, tuyên truyền Phật pháp thì được, chứ đối với một người chân chánh tu hành mà nói thì chỉ là xen tạp. Do vậy, Bồ Tát đều như thế này: Trước khi làm hết thầy công việc trước thuật, diễn thuyết, đều cầu Tam Bảo gia trì.

“*Minh hy gia bị*” (mong ngấm ngấm gia bị). Bảo vệ, giúp đỡ ngấm ngấm, do thần lực của Phật, Bồ Tát gia trì, khiến cho những gì đã nói, những điều chú giải chẳng đến nỗi sai lầm, mục đích là hy vọng lưu thông Pháp Bảo lợi lạc chúng sanh, tuyệt đối chẳng nghĩ đến lợi ích cá nhân. Hễ nghĩ đến lợi ích cá nhân là trật, sẽ chẳng cảm ứng. Tâm Phật thanh tịnh, tâm Phật từ bi, chúng ta cũng phải dùng tâm thanh tịnh, tâm từ bi thì mới có thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, Bồ Tát. Hễ xen tạp một chút lòng riêng tư bèn chẳng được. Chúng ta phải biết, phải noi theo điều này.

(Sớ) Oai thần giả, như kinh ngôn Phật lực bất khả tư nghị, Pháp lực bất khả tư nghị, hiện thánh lực bất khả tư nghị.

(疏)威神者，如經言佛力不可思議，法力不可思議，賢聖力不可思議。

(Sớ: “Oai thần” là như kinh nói Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, Pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, hiện thánh lực chẳng thể nghĩ bàn).

Đây là Tam Bảo: Phật là Phật Bảo, Pháp là Pháp Bảo, hiện thánh là Tăng Bảo. Đủ thấy đây chẳng phải là phàm phu Tăng, mức độ thấp nhất cũng phải chứng Sơ Quả trong Tiểu Thừa thì mới được coi là “hiền nhân”. Trong Viên Giáo, nhất định phải từ Sơ Tín Vị Bồ Tát, từ địa vị Sơ Tín trở lên mới là hiền nhân. Nói theo phía người niệm Phật, phải đạt đến Sự nhất tâm bất loạn mới là hiền nhân; Lý nhất tâm bất loạn là thánh nhân. Chưa đạt được cảnh giới này, nhưng nếu đạt đến công phu thành phiến thì là “tương tự hiền nhân” mới có thể có cảm ứng đạo giao.

Phát nguyện hoằng kinh, công đức vô lượng vô biên, nhưng quý vị chớ nên tham cầu công đức. Vì sao tôi phát nguyện hoằng kinh? Công đức quá lớn, nếu tôi không làm chuyện này, tôi sẽ không có công đức! [Đấy chính là] quý vị dùng cái tâm tham để hoằng pháp, tham cầu công đức! Tâm tham là phiền não lớn nhất, quý vị chưa đoạn phiền não, tâm chẳng thanh tịnh. Dầu công đức to lớn, tôi chẳng vì công đức mà hoằng kinh, vì lẽ gì mà hoằng kinh? Vì lợi ích hết thầy chúng sanh mà hoằng

kinh, vì báo Phật ân mà hoằng kinh, như vậy là đúng! Công đức đích xác to lớn, chẳng thể nghĩ bàn, trọn chẳng tham cầu, chẳng vì công đức mà hoằng kinh thì mới có cảm ứng. Vì lợi ích chúng sanh, đó là tâm đại từ bi.

Vì báo ân Phật bèn giúp Phật hoằng hóa; trừ phương pháp này ra, còn có phương pháp nào có thể báo ân Phật hay chăng? Không có biện pháp nào hết! Nói thật ra, báo ân Phật thì chỉ có lưu thông Pháp Bảo. Vì Phật chẳng cần gì hết, quý vị mỗi ngày hương hoa cúng dường thì mỗi ngày Phật có thương thức những thứ cúng dường ấy hay không? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Hương hoa cúng dường chẳng qua là để trọn một chút lòng mình, chứ thật ra điều quan trọng hơn là nhằm khơi gợi chính mình, khiến cho chính mình trông thấy hoa bèn lập tức nghĩ đến lục độ, vạn hạnh, nghĩ chính mình phải sốt sắng tu tập trên đường Bồ Tát đạo, mang ý nghĩa này, nhắc nhở chính mình. Đó là tác dụng lớn nhất. Do vậy, Tam Bảo chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Trượng Tam Bảo lực, năng sử ngu trung hốt thành thắng trí.

(疏) 仗三寶力，能使愚衷忽成勝智。

(Sớ: Nhờ sức Tam Bảo khiến cho đầu óc ngu muội chợt trở thành trí huệ thù thắng).

Chỉ cần quý vị thành tâm thành ý phát tâm làm [chuyện hoằng pháp], vốn rất ngu muội, chợt biến thành thông minh, do được sức oai thần của Tam Bảo gia trì, biến chuyện chẳng thể trở thành có thể, biến người ăn nói vụng về thành người có thể cảm động người khác, chạm vào dây tơ tình cảm trong tâm họ. Phải chí thành thì mới có thể cảm thông!

(Sớ) Phàm khẩu sở thuật, minh thông thánh tâm dã.

(疏) 凡口所述，冥通聖心也。

(Sớ: Phàm những lời nói ra đều ngầm thông thánh tâm).

Miệng phàm phu chúng ta nói ra điều gì, sẽ ngầm ngầm thông với ý tưởng của Phật, Bồ Tát, đó là thần lực gia trì. Nếu quý vị thật sự phát tâm, quý vị có thể thấu hiểu điều này. Thường là trước khi quý vị giảng kinh, quý vị phải chuẩn bị rất cẩn thận, chẳng chuẩn bị thì lên bục giảng sẽ không thể kết thúc bài giảng được. Chuẩn bị là dùng phàm tình, trong khi ấy, quý vị dùng cái tâm chí thành, tâm cúng dường, tâm báo ân, tâm

lợi ích chúng sanh để viết bài giảng nhằm chuẩn bị chu đáo. Khi quý vị lên giảng đài, đột nhiên giảng những ý nghĩa khác hẳn những điều đã chuẩn bị, lại còn thù thắng, hay hơn những thứ đã chuẩn bị, mà trong lúc chuẩn bị, quý vị chẳng hề nghĩ tới. Đến khi lên bục giảng, chẳng biết do trí huệ ở đâu mà có thể nói ra [những điều ấy]. Từ xưa đến nay, những pháp sư giảng kinh đều có sự cảm ứng ấy. Chúng ta đọc cuốn Viên Giác Kinh Thân Văn Ký của pháp sư Đệ Nhàn, đây là bút ký do thính chúng ghi lại; chính Ngài cũng có chuẩn bị, chính Ngài soạn bài ghi những ý nghĩa sẽ được giảng, nhưng những điều được ghi chép trong Thân Văn Ký chẳng hề có trong bài giảng [do Ngài đã chuẩn bị sẵn]. Người ta ghi chép xong, đưa cho lão hòa thượng coi. Lão hòa thượng xem xong, hỏi người ấy: “Đây là lời tôi giảng ư?” Chẳng biết là do chính mình giảng; đây là thần lực của Phật, Bồ Tát gia trì.

(Sớ) Hà nhĩ giả, kiêm xứ dữ thời. Xứ tắc diêu nhất ngưng dĩ chí châu biến thập phương. Thời tắc diêu sát-na dĩ chí tận vị lai tế, giai danh “tự nhĩ cập hà” dã.

(疏) 遐邇者，兼處與時。處則繇一隅以至周遍十方，時則繇剎那以至盡未來際，皆名自邇及遐也。

(Sớ: “Xa gần” bao gồm nơi chốn và thời gian. Nơi chốn thì từ một góc cho đến trọn khắp mười phương; thời thì từ một sát-na cho đến hết đời vị lai, đều gọi là “từ gần đến xa”).

“Hà nhĩ” có nghĩa là xa gần, “hà” (遐) là xa, “nhĩ” (邇) là gần. Đối với thời gian và không gian mà nói thì đều có thể được. Nói theo phía không gian, từ một phương có thể thông đạt mười phương; nói theo phương diện thời gian thì từ một sát-na cho đến hết đời vị lai. Câu này nói lên ý nghĩa “lưu thông” và “lợi ích”. Ví như trong thưở ấy đại sư viết cuốn chú giải này, nay chúng ta đọc thấy câu này được ứng nghiệm. Thưở ấy, đại sư viết bản chú giải này tại Phương Trượng Thất chùa Vân Khê ở Hàng Châu, đến khi lão nhân gia viên tịch, các đệ tử lưu thông phổ cập tác phẩm này khắp cả nước. Ngày nay, bản này lại được truyền khắp thế giới.

Tại ngoại quốc có nhiều thư viện của trường đại học hay thư viện quốc gia đều có lưu giữ. Về mặt không gian, đúng là trọn khắp mười phương, thời gian lưu truyền đến năm trăm năm, đối với hết thảy chúng

sanh tạo lợi ích quá lớn. Bao nhiêu người đọc bản chú giải của Ngài bèn phát tâm niệm Phật, đã vãng sanh thế giới Tây Phương. Bản chú giải này của Ngài đã tiếp dẫn họ. Chúng ta cũng nương nhờ sức [tiếp dẫn] của bản chú giải này, không được lão nhân gia chỉ dạy, chúng ta sẽ chẳng hiểu kinh A Di Đà, đọc cách nào cũng chẳng biết trong kinh này bao hàm ý nghĩa nhiều dường ấy. Vì thế, bản chú giải và diễn thuyết này thật sự tương ứng trí huệ và oai thần của chư Phật. Công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn, đó là công đức lợi ích chúng sanh.

(Sớ) Hàm linh giả, giản phi mộc thạch, vị nhất thiết hữu tình dã.

(疏) 含靈者，揀非木石，謂一切有情也。

(Sớ: [Gọi là] “hàm linh” nhằm phân biệt chẳng phải là gỗ, đá, mà là nói về hết thảy hữu tình).

Chữ “hàm linh” chỉ hết thảy chúng sanh.

(Sớ) Kiến văn tùy hỷ giả.

(疏) 見聞隨喜者。

(Sớ: Thấy, nghe, tùy hỷ là...)

“Kiến” (見) là thấy bản chú giải này, “văn” (聞) là nghe giảng. Trong giảng đường của chúng ta, quý vị vừa thấy vừa nghe, mà tùy hỷ thì sẽ có phần trong thế giới Tây Phương.

(Sớ) Đản ư thử kinh, mục lãm nhĩ thính.

(疏) 但於此經，目覽耳聽。

(Sớ: Đối với kinh này, chỉ cần mắt nhìn, tai nghe).

“Lãm” (覽) là chính mắt nhìn, “thính” là (聽) nghe giảng.

(Sớ) Dĩ chí tạm nhĩ tùy thuận sanh hoan hỷ giả, giai thực thiện căn, đồng sanh bỉ quốc dã.

(疏) 以至暫爾隨順生歡喜者，皆植善根，同生彼國也

。

(Sớ: Cho đến tận thời tùy thuận, sanh lòng vui mừng thì đều gieo trồng thiện căn, cùng sanh về cõi kia).

Không nhất định phải đọc trọn bản chú giải từ đầu đến cuối, cũng chẳng phải là nói nghe trọn kinh này từ đầu đến cuối, chẳng phải vậy! Nghe một lần, hai lần, trong một hai lần ấy, quý vị thật sự sanh lòng hoan hỷ, tin tưởng, phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chắc chắn quý vị được vãng sanh. Trong một hai hội mà còn như thế, huống hồ quý vị nghe trọn vẹn, đọc toàn bộ bản kinh, đọc toàn bộ cuốn Sớ Sao Diễn Nghĩa thì càng khỏi cần phải nói nữa! Ngẫu Ích đại sư hết sức tán thán cuốn Sớ Sao Diễn Nghĩa là “*bác đại tinh thâm*” (rộng lớn, tinh tường, sâu xa), không chỉ là tinh hoa của Phật pháp đều nằm trong đây, mà bản chú giải này còn trích dẫn kinh điển Đại Thừa hết sức nhiều, nhất là kinh Hoa Nghiêm. Đọc bộ Sớ Sao này giống như đọc một bộ Đại Tạng Kinh, tinh hoa đều nằm trong ấy. Hiểu ý nghĩa này, chúng ta có một bộ là đủ rồi, chẳng cần phải dụng công nơi những thứ khác, chét sạch lòng so đo, khẳng khẳng học một bản này là được rồi. Nếu còn hiềm chưa đủ, hãy dùng tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Biệt Hành Sớ Sao để bổ sung thì sẽ có thừa, ôn thỏa, thích đáng sanh về Tây Phương. Học thêm thứ khác, quý vị sẽ bị phân tâm, chẳng thể tập trung sức mạnh được, cầu nhất tâm sẽ bị chướng ngại. Vì thế, nay chúng ta không nên học [thêm pháp môn] nào khác, điều này cũng có quan hệ với chuyện có thể thành tựu trong một đời này hay không, hết sức quan trọng! Tiếp theo đây là nói về quả báo, Tịnh Độ.

(Sớ) Tịch Quang giả, Như Lai chân Tịnh Độ. Sanh bỉ quốc dĩ, kiến Phật văn pháp, ngộ Vô Sanh Nhân, đắc tự bản tâm, Tịch Chiếu bất nhị, danh Thường Tịch Quang.

(疏)寂光者，如來真淨土，生彼國已，見佛聞法，悟無生忍，得自本心，寂照不二，名常寂光。

(Sớ: Tịch Quang là Tịnh Độ thật sự của Như Lai. Sanh về cõi ấy, thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhân, đắc bản tâm của chính mình. Tịch - Chiếu chẳng hai, gọi là Thường Tịch Quang).

Đây là lời giải thích về Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong Tịnh Độ. Tây Phương có bốn thứ Tịnh Độ, vì sao chẳng nói tới những thứ khác, chỉ nói tới Tịch Quang? Sách Diễn Nghĩa có chú giải như sau.

(Diễn) Như Lai chân Tịnh Độ giả, thượng tam độ vị vi chân, nhi Tịch Quang nãi vi chân.

(演) 如來真淨土者，上三土未為真，而寂光乃為真。

(Diễn: [Nói cõi Tịch Quang] là Tịnh Độ thật sự của Như Lai là vì ba cõi trước đó chưa phải là thật, cõi Tịch Quang mới là thật).

Cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cõi Phương Tiện Hữu Dư và cõi Thật Báo Trang Nghiêm đều chưa chân thật, chỉ có cõi Thường Tịch Quang là chân thật, là Tịnh Độ chân chánh.

(Diễn) Nhiên Tịch Quang diệc hữu tịnh uế bất đồng.

(演) 然寂光亦有淨穢不同。

(Diễn: Nhưng cõi Tịch Quang cũng có tịnh và uế khác nhau).

Cõi Thường Tịch Quang chân thật mà còn có tịnh và uế ư? Nếu ông nói cõi Thật Báo Trang Nghiêm có tịnh và uế thì chúng tôi còn có thể tưởng tượng được. Nếu nói trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ có tịnh và uế thì chẳng thể nghĩ bàn! Nói theo Lý, chắc chắn không có tịnh hay uế. Nói theo mặt Sự thì có, chúng tôi nêu lên một tỷ dụ để nói: Ví như cảnh giới bên ngoài chúng ta hết sức trong trẻo, sáng sủa, tơ hào ô nhiễm cũng chẳng có; nhưng nếu chúng ta đeo kính râm có màu: Đeo kính đen thì thấy bên ngoài đen thui, đeo kính màu xanh thấy vách tường trắng đều thành xanh, đều thành có màu. Đây là tự mình có chướng ngại. Nói cõi Tịch Quang có uế là do chướng ngại ở nơi đâu? Vô minh chưa đoạn hết! Đeo cặp kính vô minh để nhìn cõi Tịnh Độ chân thật. Như vậy là tự mình sanh ô nhiễm, chẳng phải do Tịnh Độ bất bình đẳng, có ô nhiễm, Tịnh Độ không có [ô nhiễm hay bất bình đẳng]. Không riêng gì Tịnh Độ của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ không có ô nhiễm, mà Tịch Quang Tịnh Độ của lũ phàm phu sát đất chúng ta cũng chẳng có ô nhiễm. Nay cõi Tịch Quang của chúng ta hoàn toàn là nhiễm, Pháp Thân đại sĩ, Đẳng Giác Bồ Tát còn mang theo một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, cho nên Thường Tịch Quang Tịnh Độ của các Ngài còn có một phần ô nhiễm. Đoạn sạch một phần sanh tướng vô minh ấy, cõi Thường Tịch Quang nơi quả địa Như Lai sẽ được gọi là Cứu Cánh Tịch Quang (Tịch Quang rốt ráo), không có ô nhiễm. Phải hiểu lý này, cho nên, ở đây nói “*Tịch Quang cũng có tịnh và uế khác nhau*”.

(Diễn) *Tứ thập nhất vị Pháp Thân đại sĩ sở cư vi uế độ, duy Phật nhất nhân sở cư vi Tịnh Độ. Kim viết “Nhu Lai chân Tịnh Độ”, tức thị Thường Tịch Quang Tịnh Độ dã, danh chi vi chân giả. Diệu Tông Sao vân.*

(演) 四十一位法身大士所居為穢土，唯佛一人所居為淨土。今日如來真淨土，則是常寂光淨土也。名之為真者。妙宗鈔云。

(Diễn: *Cõi mà bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ ở là uế độ, chỉ có mình cõi đức Phật ngự là Tịnh Độ. Nay nói “cõi Tịnh Độ chân thật của Như Lai” thì chính là [nói tới] cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ vậy, đặt tên cho nó là “chân”. Sách Diệu Tông Sao nói...)*

Trích dẫn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Diệu Tông Sao, đây cũng là một bản chú giải đầy thâm quyền trong Tịnh Độ Tông. Quý vị có đọc bản chú giải này hay không cũng chẳng sao, vì sao? Những câu văn hay đẹp và lý luận trọng yếu [trong ấy] đã được Liên Trì đại sư trích dẫn hết rồi!

(Diễn) *Chư Phật Như Lai sở du cư xứ, chân thường cứu cánh cực vi Tịnh Độ, thị dã.*

(演) 諸佛如來所游居處，真常究竟極為淨土，是也。

(Diễn: *“Chỗ chư Phật Như Lai dạo chơi, cư trụ, chân thường rốt ráo tột bậc là Tịnh Độ” chính là nói về ý này).*

Đây là mấy câu trong Diệu Tông Sao. Do đây biết: Chí nguyện của đại sư là cầu Tịnh Độ rốt ráo, mà cũng là cầu Phật quả rốt ráo. Ngài cũng khuyến khích chúng ta, hy vọng mỗi người chúng ta thấy nghe Sớ Sao cũng sẽ phát tâm giống như Ngài, cầu Tịnh Độ viên mãn rốt ráo, hãy nên như thế!

“*Sanh bỉ quốc dĩ, kiến Phật văn pháp, ngộ Vô Sanh Nhân*” (Sanh về cõi ấy rồi, gặp Phật, nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhân): Mấy câu này cũng là nói công phu niệm Phật đến mức Lý nhất tâm bất loạn, được gọi là Thượng Phẩm Thượng Sanh; đây cũng là điều chúng ta hãy càng thêm nỗ lực [hòng đạt được]. Nếu quý vị hỏi: “Thượng Phẩm Thượng Sanh có thể cầu được hay không?” Nếu quý vị có mối hoài nghi ấy, sẽ cầu chẳng

được! Pháp môn này hoàn toàn kiến lập trên cơ sở của lòng “*tự tín*” (tin vào chính mình); bản thân quý vị nhất định phải tin tưởng vào chính mình, có lòng tự tín kiên định, có lòng tự tín thanh tịnh thì thần lực của Phật có thể giúp đỡ và gia trì quý vị. Vì vậy, chính mình nhất định phải có lòng tự tín.

Cách tu ra sao? Trừ một câu Phật hiệu trong mười hai thời chẳng gián đoạn ra, còn phải tu mười đại nguyện vương, phải hiểu rõ mười thứ hành pháp. Nói thật ra, mười thứ hành pháp và mười đại nguyện vương là áp dụng câu A Di Đà Phật vào cuộc sống như thế nào. Hành pháp và nguyện vương đều là một câu A Di Đà Phật, một câu A Di Đà Phật là mười đại nguyện vương, là mười thứ hành pháp. Nếu quý vị hiểu ý nghĩa này, thật sự có thể tu như thế thì trong hiện tại thân tâm tự tại, đắc lợi ích. Trong hiện tiền, chính quý vị sẽ cảm nhận được: Quý vị và A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Tây Phương Tịnh Độ cảm ứng đạo giao. Do vậy, quý vị chẳng còn lo ngại nữa, nhất định phải làm! Phải thực hiện một câu danh hiệu A Di Đà Phật trong cuộc sống thường nhật, làm như thế, sẽ nhất định đạt được hiệu quả ấy. “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”: Vô Sanh là chứng Vô Sanh Pháp Nhân. Trong Viên Giáo, chứng Vô Sanh Pháp Nhân thì mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát, tức là địa vị đầu tiên trong bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Địa vị [của người vãng sanh] chẳng khác gì [địa vị của] các vị Bồ Tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong kinh Hoa Nghiêm, có thân phận giống nhau, địa vị giống nhau, trong một đời chúng ta có thể làm được, chẳng phải là không làm được!

Hôm nay có một vị đồng học hỏi tôi: Trong kỳ nghỉ hè này, chúng tôi có muốn mở giảng tòa hay không? Tôi nói: Quý vị muốn đến dự thì chúng tôi sẽ mở, nhưng quý vị phải nhớ: Bất luận chúng tôi mở khóa giảng vào kỳ nghỉ Đông hay nghỉ Hè, chúng tôi sẽ giảng hai thứ kinh này, không có loại thứ ba; nhưng quý vị hãy nghe thử xem, cảnh giới của tôi có được nâng cao hay không? Điều này rất thú vị! Giảng lần thứ hai khác với lần thứ nhất. Nếu giảng lần thứ hai mà giống như lần giảng đầu thì tôi cũng chẳng muốn giảng, mà quý vị cũng chẳng muốn nghe! Quý vị phải hiểu: Mỗi lượt giảng đều khác nhau. Không chỉ mỗi lượt giảng khác nhau, mà nếu quý vị chú tâm nghe tôi giảng kinh, sẽ thấy mỗi ngày khác nhau. Vì thế, tôi có thể pháp hỷ sung mãn, cảnh giới mỗi ngày đều khác nhau: Mỗi ngày niệm kinh này đều phát hiện những ý nghĩa mới. Vì thế, trong kinh này có vô lượng nghĩa, quý vị phát hiện vĩnh viễn bất

tận! Mỗi lần xem là một lần thấy ý nghĩa mới xuất hiện, mỗi lần giảng là một lần thấy có ý nghĩa mới xuất hiện.

“*Tịch - Chiếu bất nhị, danh Thường Tịch Quang*” (Tịch - Chiếu chẳng hai, gọi là Thường Tịch Quang): Đây là lời giải thích danh từ Tịch Quang. Tuy là giải thích danh từ, nhưng trong ấy cũng nhằm dạy chúng ta phương pháp tu hành. Đây là môn tu học của Pháp Thân đại sĩ; nhưng nếu chúng ta chịu tu tập thì cũng dùng được, cái hay trong Phật môn là hay ở chỗ này! Phương pháp tu hành của đại Bồ Tát chúng ta cũng có thể dùng được. Nay chúng ta dùng phương pháp của kẻ sơ học, nhưng đại Bồ Tát có khi vẫn chẳng thể bỏ phương pháp ấy, họ vẫn phải dùng. Đây chính là như trong tông Hoa Nghiêm đã nói: “*Hàng Bồ chẳng trở ngại Viên Dung, Viên Dung chẳng trở ngại Hàng Bồ*”. Hàng Bồ là theo thứ tự, Viên Dung là không có thứ tự, tức “đốn siêu”. Đôi bên đều có thể ảnh hưởng lẫn nhau, có thể vận dụng lẫn nhau, đây là chỗ tuyệt diệu trong Phật pháp.

(Diễn) *Tịch Chiếu bất nhị giả, vị Tịch nhi thường Chiếu, Chiếu nhi thường Tịch, tức Tịch, tức Chiếu, tức Chiếu, tức Tịch.*

(演)寂照不二者，謂寂而常照，照而常寂。即寂即照，即照即寂。

(Diễn: “*Tịch Chiếu bất nhị*” nghĩa là: *Tịch mà thường Chiếu, Chiếu nhưng thường Tịch, vừa Tịch vừa Chiếu, vừa Chiếu vừa Tịch.*

Nếu chúng ta hiểu lý luận này, hiểu phương pháp này, sẽ có lợi rất lớn đối với công phu niệm Phật của chúng ta. Chiếu là gì? Chiếu là hiểu rõ hết thảy, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn hiểu rõ ràng, rành mạch, phân minh, đó là Chiếu. Chiếu là trí huệ, là trí huệ Bát Nhã khởi tác dụng. Quý vị phải nhớ: Chiếu chẳng phải là ý thức. Tịch là gì? Như như bất động, cái gì bất động? Thức thứ sáu tức Ý Thức bất động, thức thứ bảy bất động, thức thứ tám bất động. Thức thứ sáu tuy bất động nhưng vẫn phân biệt rõ ràng rành mạch, tuy phân biệt nhưng không có tâm phân biệt, [vẫn nhận biết cảnh giới] rõ ràng, rành mạch, đó gọi là Diệu Quán Sát Trí. Đó là Chiếu. Thức thứ bảy chẳng khởi tác dụng, không có Chấp Trước, không có Ngã Chấp, mà cũng không có Pháp Chấp, đó là Bình Đẳng Tánh Trí đang chiếu. Thức thứ tám chẳng khởi tác dụng, chẳng để lại ấn tượng, đó là Đại Viên Kính Trí đang chiếu.

Chiếu là gì? Tịch là gì? Mâu chốt ở chữ Tịch; quý vị phải bất động mới là đúng. Tịch là bất động, tức tâm bất động. Tâm có tám món, năm thức trước và thức thứ tám có thể không cần quan tâm đến, trọng yếu là thức thứ sáu và thức bảy. Thức thứ sáu là phân biệt, thức thứ bảy là chấp trước. Tâm phân biệt của ta chẳng động, tâm chấp trước chẳng động, chẳng dùng đến nó. Đó là Tịch, tâm tịch rồi. Tịch khởi tác dụng là Chiếu; do vậy, “*Tịch mà thường Chiếu*”. Trong hết thấy cảnh giới, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, chúng ta chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, [nhận biết] cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành mạch, phân minh, đó là Phật tri, Phật kiến, gọi là “*Tịch mà thường Chiếu*”.

Chiếu là hiểu rõ Lý, thấu triệt Lý rồi, hiểu hết thấy pháp như huyền, như hóa, giống như kinh Kim Cang đã nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Tướng thì có, nhưng Tánh là không, Sự có, Lý không, quý vị có thể chiếu kiến tướng chân thật của hết thấy các pháp như vậy, tự nhiên quý vị chẳng động tâm, làm sao có chấp trước? Làm sao có phân biệt? Chẳng thể có phân biệt, chấp trước! Chẳng khởi tâm động niệm đối với hết thấy cảnh giới, cái tâm khi ấy đã nhập Tánh Định. Bản tánh của quý vị vốn là định, tâm quý vị vốn sẵn thanh tịnh. Lục Tổ nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh*”. Sự thanh tịnh ấy là Định, thanh tịnh là Tịch. Vì thế, trong khi ấy, Tịch - Chiếu, Chiếu - Tịch đồng thời, chẳng khác gì Pháp Thân đại sĩ. Đã chẳng khác thì chính quý vị cũng chứng đắc Pháp Thân, cũng trở thành Pháp Thân đại sĩ. Nếu trong cuộc sống thường nhật có thể dụng công như thế thì một câu A Di Đà Phật của quý vị chính là Lý nhất tâm bất loạn. Quý vị niệm A Di Đà Phật là Lý niệm, cảnh giới ấy hết sức cao. Nay chúng ta chưa làm được; tuy làm chưa được nhưng phải hiểu đạo lý này, biết có chuyện này, vì sao? Trong tương lai, sẽ dần dần nâng cao cảnh giới của chính mình, chớ nên ngừng nghỉ ở giai đoạn hiện tiền.

Cảnh giới này cao, nhưng không có cách nào [đạt được trong hiện tại], dạy quý vị sử dụng, quý vị cũng chẳng thể sử dụng. Dù quý vị sử dụng thì vẫn dùng cái tâm phân biệt: “Ta nay chẳng phân biệt, ta cũng chẳng chấp trước”. Có chấp trước hay không? Có phân biệt hay không? Quý vị đang phân biệt “ta chẳng phân biệt”, đang chấp trước “ta chẳng chấp trước”, [như vậy là] quý vị vẫn đang chấp trước! Vì thế, hiện thời quý vị chưa thể sử dụng, không có cách nào cả! Hiện thời, chúng ta vẫn dùng thức thứ sáu, tức Ý Thức, vẫn dùng phân biệt, chấp trước để niệm

câu A Di Đà Phật. Trước tiên, phải niệm đến mức công phu thành phiến, thực hiện được tầng [công phu] này rồi, từ công phu thành phiến lại nâng cao lên thành Sự nhất tâm bất loạn, lại nâng cao lên nữa, nâng cao thành Lý nhất tâm bất loạn thì mới là cảnh giới ấy. Vì thế, chúng ta tu học phải đi theo thứ tự, chớ nên vượt cấp nhằm có thể đạt ngay cảnh giới đó. Người giống như Lục Tổ Huệ Năng thì mới có thể làm được như vậy; người bình thường chẳng thể làm được; nhưng nói “làm không được” là nói trong hiện tại, chứ mười năm hay hai mươi năm sau, tôi chẳng dám nói! Cũng không chừng trong đây sẽ có chẳng ít người có thể làm được. Chỉ cần dụng công đúng cách; đúng lý và đúng pháp, sẽ có thể đạt đến cảnh giới này.

(Diễn) Danh Thường Tịch Quang giả.

(演) 名常寂光者。

(Diễn: Gợi là Thường Tịch Quang).

Cảnh giới này gọi là Thường Tịch Quang.

(Diễn) Thường tức Pháp Thân, Tịch tức Giải Thoát, Quang tức Bát Nhã, thị tam điểm bất tung hoành tịnh biệt, danh Bí Mật Tạng.

(演)常即法身，寂即解脫，光即般若。是三點不縱橫並別，名秘密藏。

(Diễn: Thường là Pháp Thân, Tịch là Giải Thoát, Quang là Bát Nhã, ba điều này chẳng phải là ngang dọc, đồng thời hay sai khác¹, nên gọi là Kho Bí Mật).

¹ Đây là cách nói dựa theo kinh Niết Bàn khi đức Phật giảng về chữ Y trong tiếng Phạn. Chữ Y gồm có ba điểm xếp theo hình tam giác (đỉnh nhọn xoay xuống dưới). Phật dùng chữ Y để ví với tam đức bí tạng. Ba chấm ấy hợp thành chữ Y, chúng không thể tách rời mà phải đồng thời tồn tại thì mới thành chữ Y, do vậy nói “bất tung hoành” (chẳng dọc ngang), tức là không thể phân biệt chúng là khác nhau theo phương diện thời gian hay không gian. Ba điểm của chữ Y nếu xếp nằm cùng một hàng thì không thành chữ Y, ngoài chữ Y thì không có ba chấm này, ngoài ba chấm này thì không có chữ Y nên mới nói “bất tịnh biệt” (chẳng ngang hàng, chẳng tách rời). Mượn hình ảnh này để diễn tả tam đức chỉ là một trong những khía cạnh của chân tâm. Hễ chứng được một đức thì cả ba đức đều đồng thời tồn tại nên hòa thượng Tịnh Không mới giảng đơn giản là “ba nhưng một, tuy một mà ba”, rồi Ngài nói thêm như “chứng đắc Pháp Thân, sẽ nhất định có Giải Thoát” v.v...

Pháp Thân, Giải Thoát, Bát Nhã là ba nhưng một, tuy một mà ba, nên gọi là Tam Đức Bí Tạng. Hễ quý vị có thể đạt được một thì cả ba đều đạt được. Nếu chứng đắc Pháp Thân, nhất định sẽ có Giải Thoát và Bát Nhã. Bát Nhã là minh tâm kiến tánh, [hễ minh tâm kiến tánh] quý vị nhất định chứng đắc Pháp Thân. Giải Thoát là tự tại. Quý vị phải hiểu: Trong tâm thanh tịnh thì mới có tự tại; tâm chẳng thanh tịnh khởi lên ý niệm, sẽ chẳng tự tại mà có phiền não, có trói buộc! Trong tâm chẳng sanh một niệm thì gọi là Giải Thoát, là đắc đại tự tại. Sự tự tại này từ Định mà có, từ trong cái tâm thanh tịnh hiển thị ra.

(Diễn) Chư Phật trụ xứ, vô lượng thậm thâm pháp tánh dã.

(演) 諸佛住處，無量甚深法性也。

(Diễn: Trụ xứ của chư Phật là pháp tánh rất sâu vô lượng).

Mười phương hết thấy chư Phật an tâm ở nơi nào? An tâm ở chỗ này, đây là chỗ quy y thật sự của chúng ta. Thường Tịch Quang là Vô Thượng Phật Quả.

(Sớ) Vô Thượng Quả giả, Phật chứng viên mãn Đại Giác, siêu việt Nhị Thừa cập chư Bồ Tát, thử quả chi thượng cánh vô quá giả, danh Vô Thượng Quả, thị chứng Phật Nhất Thiết Chủng Trí dã.

(疏) 無上果者，佛證圓滿大覺，超越二乘及諸菩薩，此果之上更無過者，名無上果，是證佛一切種智也。

(Sớ: “Vô Thượng Quả”: Phật chứng Đại Giác viên mãn, vượt trội Nhị Thừa và các Bồ Tát. Quả này không có gì hơn được nên gọi là Vô Thượng Quả, tức là chứng Nhất Thiết Chủng Trí của Phật vậy).

Vô Thượng Quả là quả vị Phật trong Viên Giác.

(Diễn) Viên mãn Đại Giác giả, ly mê viết Giác, ly tiểu viết Đại, ly nhân viết viên mãn.

(演) 圓滿大覺者，離迷曰覺，離小曰大，離因曰圓滿

。

(*Diễn*: “*Viên mãn Đại Giác*”: *Lìa mê gọi là Giác, lìa Tiểu gọi là Đại, lìa nhân gọi là viên mãn*).

Lời giải thích này đơn giản dễ hiểu, ý nghĩa hết sức đầy đủ. Trước hết, chúng ta phải học giác chứ không mê. Thế nào là giác? Thế nào là mê? Nhất định phải hiểu rõ ràng, rành rẽ. Khởi tâm động niệm là mê. Khởi phân biệt, chấp trước đối với cảnh giới bên ngoài là mê, chẳng hiểu rõ tướng bên ngoài, chẳng khởi tâm động niệm cũng là mê, chuyện này khó làm lắm! Khởi tâm động niệm bèn sanh phiền não, khởi vọng tưởng, vọng tưởng bèn dấy lên. Chẳng khởi tâm động niệm mà hồ đồ, mờ mịt thì là vô minh, tăng trưởng vô minh. Quý vị thấy đó! Chẳng rớt vào tà kiến, bèn rớt trong vô minh. Chuyện này rắc rối lắm! Hãy nên làm như thế nào? Tịch Chiếu! Cảnh giới bên ngoài đã rõ ràng mà lại hiểu rất rành, bên trong chẳng động tâm, chẳng khởi niệm, như vậy mới là đúng, như vậy mới là tu hành thật sự, mới là đặc pháp.

Cách tu này quả thật chẳng dễ dàng, nói thì dễ nhưng làm khó lắm! Không dễ dàng thì làm cách nào đây? Quý vị cứ thật thà niệm một câu A Di Đà Phật, đó là biện pháp mau nhiệm. Chúng ta tiếp xúc bên ngoài, thấy sắc, nghe tiếng, chớ khởi vọng tưởng, đừng khởi ý niệm tham, sân, si, mạn, hãy khởi A Di Đà Phật. Không động niệm thì thôi, hễ động niệm bèn ngay lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật là được. A Di Đà Phật cũng là một niệm, dùng một niệm này để ngưng dứt hết thảy vọng niệm, vì một niệm này tương ứng với giác, còn vọng niệm tương ứng với mê. A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác, một niệm này tương ứng với giác, những niệm khác tương ứng với mê, sẽ càng mê càng sâu. Lập tức chuyển vọng niệm thành A Di Đà Phật, giữ gìn giác tâm của quý vị, giác chứ không mê. Công phu của chúng ta phải dùng cách này. Do vậy, quý vị phải biết niệm Phật hiệu, tức là nói quý vị học xong phải biết dùng, dùng vào lúc nào? Trong khi quý vị hôn trầm, mê hoặc, phải dùng nó khi quý vị có suy nghĩ tà vạy hay có tà tri kiến, tức là khi khởi tâm động niệm liền phải dùng, khi mê hoặc, điên đảo phải dùng, dùng ngay một câu Phật hiệu giúp cho chính mình chẳng mê, chẳng tà. Đó gọi là quý vị biết niệm. Biết niệm Phật tức là quý vị biết dùng, sẽ có ích rất lớn cho quý vị trong cuộc sống thường ngày.

“*Ly Tiểu viết Đại*” (lìa Tiểu thì gọi là Đại), Tiểu là Tiểu Thừa, đây là nói về Đại Thừa; do vậy, [trì danh niệm Phật] là pháp Bồ Tát, [sự giác ngộ do tu pháp trì danh niệm Phật] chẳng phải là Tiểu Giác. Sự giác ngộ của A La Hán là Tiểu Giác. A La Hán là Chánh Giác, Bồ Tát là

Chánh Đẳng Chánh Giác, nên gọi là Đại Giác. Tuy đại, nhưng vẫn chưa viên mãn, Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn. Đoạn sạch hết rồi thì mới gọi là viên mãn. Đại Giác viên mãn cũng chỉ có một người, tức là Phật trong Viên Giáo. Ngoài một mình đức Phật ra, chỉ có thể gọi là Đại Giác, chứ không thể gọi là Đại Giác viên mãn.

(Diễn) Cánh vô quá giả, Thiên Thai vân: “Vô Thượng Sĩ giả, như thập ngũ nhật nguyệt, viên mãn cụ túc, chúng tinh trung vương, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc tôn, cánh vô quá giả”, thị dã.

(演)更無過者，天台云：無上士者，如十五日月，圓滿具足，眾星中王，最上最勝，威德特尊，更無過者，是也

。

(Diễn: “Không gì hơn được” là như ngài Thiên Thai (Trí Giả đại sư) đã nói: “Vô Thượng Sĩ như trăng ngày Rằm, viên mãn đầy đủ, là vua trong các ngôi sao, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc biệt tôn quý, không chi hơn được” là nói về điều này vậy).

Địa vị này không còn ai cao hơn được nữa, đã đạt đến tột đỉnh rồi. Tiếp đó, sách Diễn Nghĩa dùng tỷ dụ để nói: Giống như trăng tròn ngày Rằm, ánh trăng vào bất cứ lúc nào khác đều chẳng thể sánh bằng! Nó viên mãn, chẳng có thiếu khuyết. Điều này tỷ dụ Phật quả trong Viên Giáo đã đạt đến tột đỉnh. “Vô Thượng Sĩ”: Thông thường, Sĩ (士) là người đọc sách, là phân tử tri thức, có học vấn, có đạo đức. [Vô Thượng Sĩ] có nghĩa là người không có ai cao hơn được về học vấn lẫn đạo đức, đạo đức đã đạt đến tột bậc, học vấn cũng đạt đến tột bậc, rốt ráo viên mãn có nghĩa là như vậy đó!

(Diễn) Nhất Thiết Chủng Trí giả.

(演)一切種智者。

(Diễn: Nhất Thiết Chủng Trí là).

Đây là trí huệ nơi quả địa của Như Lai.

(Diễn) Cứu tận chư pháp Thật Tướng, biên tế trí mãn, Chủng Giác đốn viên dã.

(演) 究盡諸法實相，邊際智滿，種覺頓圓也。

(Diễn: *Thấu suốt tột cùng Thật Tướng của các pháp, trí đã viên mãn không còn bờ mé, nhanh chóng viên mãn Nhất Thiết Chứng Trí*).

“*Chư pháp*” là hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Tướng chân thật (Thật Tướng) của hết thấy các pháp Ngài đều hiểu rõ. Các tôn giáo thông thường luôn tán thán thân của họ là đáng toàn tri toàn năng; thật ra, thân chẳng phải là toàn tri toàn năng. Đạt đến địa vị này mới là toàn tri toàn năng, chẳng giả tí nào! Nhất Thiết Chứng Trí là toàn tri toàn năng. “*Biên tế trí mãn*” là không có bờ mé, trí huệ không có ngăn mé. “*Chứng Giác đốn viên*”: Chữ Chứng Giác chỉ Nhất Thiết Chứng Trí. Thế gian, xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai, không điều gì chẳng biết, không điều gì chẳng thể làm! Đức Phật bảo: Trí huệ và năng lực này mỗi cá nhân chúng ta vốn sẵn trọn đủ, chúng chẳng phải đến từ bên ngoài. Vì thế, Phật pháp nói tới bình đẳng là nói từ chỗ này, mỗi cá nhân đều là như vậy.

Hiện tại, toàn tri toàn năng của quý vị bị chôn vùi là vì quý vị khởi vô minh, tà kiến, khiến cho bản năng (năng lực sẵn có) bị mất đi. Kinh đã nói rất rõ ràng: Bản năng này [tuy nói là] bị mất, nhưng thật sự chẳng mất, chỉ là mê mất, khi nào quý vị giác ngộ, quý vị lại khôi phục [những bản năng ấy]. Mê mất là giống như quý vị ngủ thiếp đi, năng lực bị mất, chẳng thể khởi tác dụng, nhưng khi quý vị tỉnh giấc, bản năng lại khôi phục. Nó chẳng do học tập mà có, mà là năng lực sẵn có. Vì thế, Phật pháp dạy chúng ta: Vô lượng trí huệ và đức năng là những khả năng sẵn có; mục đích tu học của chúng ta không gì chẳng phải là khôi phục bản năng mà thôi! Trong các bộ kinh lớn, đức Phật đã nói: “*Nhất thiết chúng sanh, bốn lai thành Phật*” (hết thấy chúng sanh vốn thành Phật), hiện thời [tu học] chỉ là khôi phục diện mục Phật của quý vị mà thôi! Chỉ cần quý vị từ mê vọng quay trở lại là được rồi!

(Sớ) Kinh vân: “*Giai đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”, tức tri đản đắc vãng sanh, tất cánh thành Phật, cổ vân: *Đồng chứng Tịch Quang Vô Thượng Quả đã*.

(疏)經云：皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。則知但得往生，畢竟成佛，故云同證寂光無上果也。

(Sớ: Kinh dạy: “Đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, nên biết chỉ cần được vãng sanh, sẽ rốt ráo thành Phật. Vì thế nói: “Cùng chứng Tịch Quang Vô Thượng Quả”).

Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa này. Đại sư sợ chúng ta hoài nghi nên đặc biệt trích dẫn kinh - kinh do Phật nói - nhằm chứng minh, ngõ hầu chúng ta có thể đoạn nghi sanh tín. Như vậy thì mới chẳng cô phụ hảo ý của Phật, ý nghĩa trong đoạn này rất quan trọng. “*Giai đắc bất thoái chuyển*”: Chữ “*giai*” ở đây có nghĩa là chỉ cần ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ đều chẳng thoái chuyển.

Trong kinh còn nói “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*”, càng nhiệm màu hơn, càng chẳng thể nghĩ bàn hơn! Vì thế, sợ là sợ chẳng thể vãng sanh, chứ hề vãng sanh, nhất định sẽ thành Phật trong một đời, thành vị Phật nào vậy? Thành Viên Giáo Phật, chứng Vô Thượng Quả. Do vậy, ở đây Ngài thỉnh cầu Tam Bảo gia trì, đến cuối cùng bèn có nguyện này. Nguyện này chẳng phải là nói suông, mà có kinh Phật đề làm bằng chứng nhằm hy vọng chúng ta đều có thể “*cùng chứng Tịch Quang Vô Thượng Quả*”.

(Sớ) Khất cầu gia bị, ý cái như thử, dĩ thượng thông tự nhất kinh đại ý cánh.

(疏) 乞求加被，意蓋如此，以上通序一經大意竟。

(Sớ: Ý nghĩa “cầu xin gia bị” là như vậy, trên đây là đoạn “đại ý của kinh này” trong phần Thông Tự đã được giảng xong).

Đây là đoạn lớn thứ nhất trong phần Chú Giải, hôm nay chúng tôi giảng tới đây đã xong, tiếp theo đây sẽ là đoạn lớn thứ hai, giảng về Huyền Nghĩa. Đoạn lớn thứ ba mới thật sự giảng vào kinh văn.